

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 336/2020/HSPT
Ngày: 15/7/2020.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Đặng Hồng Sơn.

2. Ông Phạm Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 216/2020/HSPT ngày 07/5/2020 đối với bị cáo P và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo P và T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 42/2020/HSST ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. P; sinh năm 1985; tại: tỉnh G; nơi đăng ký đăng ký hộ khẩu thường trú: 164 Tổ 6, ấp TS, xã TH, huyện CL, tỉnh G; chỗ ở: D16/48X6 tổ 6, ấp 4B, xã VLB, huyện B, Thành phố M; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A và bà C; vợ: D; con: có 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 31/7/2018 (có mặt).

2. T (tên gọi khác: Phước); sinh năm 1972; tại: Sài Gòn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: D16/48Y tổ 6, ấp 4B, xã VLB, huyện B, Thành phố M; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông E và bà F; vợ: H; con: có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 27/10/1992, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp TSCCD” tại bản án số 183/HSST; chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/4/1993. Ngày 16/10/1995, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù, về

tội “Trộm cắp TSCCD” tại bản án số 1407/HSPT; chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/12/1998 và phần dân sự vào tháng 02/2000.

- Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên không triệu tập: L, sinh năm 1995.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa: Bà K là Luật sư Công ty Luật hợp danh NTV thuộc Đoàn luật sư Thành phố M bào chữa cho bị cáo T (Có mặt).

- Bị hại:

1. Ông T, sinh năm 1972; cư trú: D16/48Y tổ 6, ấp 4B, xã VLB, huyện B, Thành phố M (là bị cáo trong vụ án - Có mặt).

2. Ông P, sinh năm 1985; đăng ký thường trú: 164 tổ 6, ấp TS, xã TH, huyện CL, tỉnh G; chỗ ở: D16/48X6 tổ 6, ấp 4B, xã VLB, huyện B, Thành phố M (là bị cáo trong vụ án - Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông M, sinh năm 1988; cư trú: D16/48X14 ấp 4B, xã VLB, huyện B, Thành phố M (Vắng mặt).

2. Ông N, sinh năm 1975; cư trú: D16/48X5 ấp 4B, xã VLB, huyện B, Thành phố M (Vắng mặt).

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

T và P là hàng xóm gần nhà nhau, hai nhà cách nhau khoảng 12 mét. Do P cho rằng T là người làm hư hỏng hàng hóa của mình nên giữa hai người xảy ra mâu thuẫn. Khoảng 22h15' ngày 23/12/2017, sau khi uống bia, T đem theo 01 con dao Thái Lan dài 17cm cất trong túi quần bên phải, rồi đi bộ sang nhà P tại địa chỉ D16/48X6 ấp 4B, xã VLB, huyện B, Thành phố M tìm P nói chuyện nhưng P không có ở nhà. Lúc này, L (là người làm thuê cho P và ở tại nhà của P) thấy vậy nên ra sau nhà lấy 01 con dao phay để đánh T thì T bỏ về. Khi T về đến trước nhà mình ở địa chỉ D16/48Y ấp 4B, xã VLB, huyện B, Thành phố M thì L đuổi kịp và dùng dao phay cầm trên tay phải chém vào người T. T đưa tay phải lên đỡ thì bị L chém trúng tay phải gây thương tích. Sau đó, T liền nhặt 01 cây gỗ cầm trên tay phải đánh trả lại L nhưng không trúng mà trúng mặt đường làm cây gỗ gãy làm 02 khúc, T ném cây gỗ xuống đất rồi lấy dao Thái Lan từ trong người ra cầm trên tay phải đâm 01 cái trúng cổ bên trái của L gây thương tích. L dùng dao chém liên tiếp 02 cái trúng ngực, 01 cái trúng cẳng tay trái T gây thương tích. Lúc này, P đang nhậu ở nhà hàng xóm gần đó nghe thấy T và L đánh nhau nên đi về nhà lấy 01 tuýp sắt tròn dài khoảng 60 cm chạy đến cùng L đánh T. T bỏ chạy thì bị P đuổi theo, cầm ống tuýp sắt trên tay phải đánh 01

cái trúng vào lưng làm T ngã xuống đường; P tiếp tục dùng tuýp sắt đánh 01 cái trúng vào chân phải của T. Thấy vậy, L tiếp tục dùng dao chém 02 nhát trúng đầu T gây thương tích. T đứng dậy bỏ chạy thoát và được gia đình đưa đi cấp cứu. Riêng L cũng được P chở đi Bệnh viện quận Z, Thành phố M để điều trị. Nhận được tin báo, Công an xã VLB, huyện B lập hồ sơ ban đầu, thu giữ vật chứng và chuyển đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B điều tra xử lý.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số 64/TgT.18 ngày 12/02/2018 của Trung tâm Pháp y Sở Y Tế Thành phố M kết luận về thương tích của T như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đa chấn thương phần mềm, đã được điều trị, hiện còn:

+ 01(Một) sẹo hình vòng cung kích thước 6,5x0,15cm tại vùng trán đỉnh; có tỉ lệ 02%. Thương tích do vật tày có cạnh, vật sắc, vật sắc nhọn gây ra.

+ 01 (Một) sẹo kích thước 2,2x0,15cm tại vùng đỉnh trước trái; có tỉ lệ 02%. Thương tích do vật tày, vật tày có cạnh, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra.

Cả con dao và tube sắt như quý cơ quan cung cấp đều có thể gây ra được hai thương tích trên.

+ Các sẹo có dấu chỉ khâu: Tại ngực phải kích thước 3,3x0,2cm; tại ngực trái kích thước 3x0,3cm; Tại mặt sau 1/3 trên cẳng tay phải kích thước 5,5x0,15cm; tại mặt sau 1/3 dưới cẳng tay trái kích thước 2,3x0,2cm. Có tỉ lệ 02% mỗi vết.

Các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra. Chỉ con dao nêu trên có thể gây ra được các thương tích này.

+ Các vết tăng sắc tố da: Mờ tại lưng kích thước 3,5x0,1cm có tỉ lệ 01%; rõ tại mặt ngoài 1/3 trên cánh tay trái kích thước 4x0,15cm có tỉ lệ 02%; mờ tại mặt trước cổ chân phải kích thước 3,1x0,1cm có tỉ lệ 01%.

Các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra. Cả hai hung khí nêu trên đều có thể tạo ra được các thương tích này.

Cộng lùi các tỉ lệ trên sẽ ra tỉ lệ 14,91%, làm tròn số sẽ là 15%.

2. Theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 15%”.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 81/TgT.18 ngày 12/02/2018 của Trung tâm Pháp y Sở Y Tế Thành phố M kết luận về thương tích của P như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đa chấn thương phần mềm hiện còn các vết tăng giảm sắc tố da tại: Vùng dưới bả vai trái kích thước 5,6x0,2cm; mặt ngoài cánh tay phải kích thước 10,8x(0,1-0,5)cm; mặt sau ngoài cẳng chân trái kích thước 8,2x(0,1-0,7)cm.

Các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc, vật tày có cạnh gây ra. Cả con dao và khúc cây như quí có quan cung cấp đều có thể gây ra được các thương tích trên.

- Chấn thương gây sưng, bầm, sây sát da ngón trỏ và gãy xương đốt gần ngón trỏ tay trái, đã được điều trị nội bảo tồn, hiện còn: Vết tăng sắc tố da mờ kích thước 2,3x0,2cm tại mặt mu đốt gần ngón trỏ; hình ảnh can xương tốt, không di lệch trục trên phim Xquang, ổn định.

Thương tích do vật tày tác động mạnh gây ra. Khúc cây như cung cấp gây ra được thương tích này, còn con dao thì không.

2. Theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 09%”.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 60/TgT.18 ngày 12/02/2018 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y Tế TP. Hồ Chí Minh kết luận về thương tích của L như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 02 (Hai) vết thương phần mềm đã được điều trị, hiện còn: 01 (Một) sẹo kích thước 5,1x0,2cm tại vùng cổ trên trước trái, ảnh hưởng thẩm mỹ có tỉ lệ 07%; 01 (Một) vết tăng giảm sắc tố da kích thước 2,1x0,2cm tại bụng dưới phải có tỉ lệ 01%.

2. Theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 08%.

3. Kết luận khác: Các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra. Cả khúc cây gãy và con dao như quí cơ quan cung cấp đều có thể gây ra được các thương tích trên”.

Tại bản kết luận giám định pháp y bổ sung số 81.B/TgT.18-19 ngày 24/12/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y Tế Thành phố M kết luận về thương tích của P như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Theo biên bản xem xét dấu vết trên thân thể lập ngày 04/12/2019: Vết thương phần mềm tại mặt gan liên đốt 1, 2 ngón III bàn tay phải, hiện còn một sẹo mờ kích thước 2 x 0,1cm, ổn định; có tỷ lệ 01%. Thương tích do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra.

- Hồ sơ bệnh án của Bệnh viện đa khoa Z ngày 24/12/2017 chỉ ghi nhận đau sưng mu hai bàn tay, không ghi nhận vết thương ở bàn tay phải. Ngày 29/01/2018, Trung tâm Pháp y có khám và chụp hình ghi nhận không có dấu vết tại bàn tay phải. Do đó, Trung tâm Pháp y không đủ cơ sở xác định chính xác thời điểm xảy ra thương tích tại ngón III bàn tay phải, không có cơ sở trả lời các câu hỏi của quý cơ quan nêu.

2. Theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 01%.

3. Kết luận khác: Không”.

+Vật chứng thu giữ của vụ án: 01 con dao Thái Lan lưỡi dao bằng kim loại, cán bằng nhựa; 01 khúc gỗ; 01 con dao phay bằng kim loại dài khoảng 40 cm; 01 ống tuýp bằng kim loại dài khoảng 60 cm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2020/HSST ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố M đã tuyên xử:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: bị cáo P 02 (Hai) năm tù, về tội: “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/7/2018.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: bị cáo T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội: “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử phạt tù đối với bị cáo L, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/3/2020, bị cáo T kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm nêu trên yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hành vi gây thương tích cho người khác của mình là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng nên không phạm tội “Cố ý gây thương tích” và về trách nhiệm dân sự, án sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho L là không đúng với ý trí của bị cáo thỏa thuận tại phiên tòa sơ thẩm. Ngày 07/4/2020, bị cáo P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và tự nguyện rút yêu cầu khởi tố về hình sự đối với T vì sự việc xảy ra đã lâu, do nóng giận không kiềm chế được bản thân dẫn đến xảy ra xô xát và các bên là hàng xóm sống gần nhà nhau nên đã tự thỏa thuận với nhau về trách nhiệm bồi thường về dân sự.

Bị cáo T rút yêu cầu kháng cáo vì bị cáo P đã rút yêu cầu xử lý về hình sự đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo P gây ra, cũng như các tình tiết định khung và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo P, về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo P và T kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời gian luật định và hợp lệ.

Tại phiên tòa, bị cáo T rút yêu cầu kháng cáo là quyền của bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên xử đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với bị cáo T.

Ngoài ra, bị cáo T bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhưng tại phiên tòa, P (với tư cách là bị hại) tự nguyện rút yêu cầu khởi tố hình sự đối với bị cáo T nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 155 và Điều 399 của Bộ luật Tố tụng hình sự để hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử đối với T về tội “Cố ý gây thương tích” và đình chỉ vụ án đối với T.

Về nội dung kháng cáo của bị cáo P: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo P mức án 02 (Hai) năm tù là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P đã bị tạm giam 01 (Một) năm 11 (Mười một) tháng 15 (mười lăm) ngày, thời gian bị tạm giam đã đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt và xử phạt bị cáo P bằng thời gian đã bị tạm giam.

Luật sư K bào chữa cho bị cáo T, thống nhất với quan điểm giải quyết vụ án đối với bị cáo T theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tự nguyện rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo T và đình chỉ vụ án đối với T về tội “Cố ý gây thương tích”

Bị cáo P không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm được hòa nhập với xã hội, về với gia đình để làm lại cuộc đời.

Bị cáo T không tranh luận, thống nhất với ý kiến của Luật sư bào chữa cho mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và bị hại.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm như nội dung bản án sơ thẩm, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và các tài liệu, chứng cứ: biên bản tiếp nhận nguồn tin về ANTT, biên bản vụ việc, biên bản tạm giữ đồ vật - tài liệu, lời khai của các bị cáo L và T tại Cơ quan điều tra cũng như tại các phiên tòa (sơ thẩm và phúc thẩm đã xét xử), lời khai người làm chứng; sơ đồ hiện trường vụ án, bản ảnh thực nghiệm hiện trường (97-103), bản kết luận giám định pháp y; cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 22h15' ngày 23/12/2017, sau khi uống bia, T mang theo 01 con dao Thái Lan dài 17cm cất trong túi quần bên phải, rồi đi bộ sang nhà P tại địa chỉ D16/48X6 ấp 4B, xã VLB, huyện B, Thành phố M tìm P nói chuyện do có xảy ra mâu thuẫn trước đó nhưng P không có ở nhà. Lúc này, L (là người làm thuê cho P và ở tại nhà của P) thấy vậy nên ra sau nhà lấy 01 con dao phay để đánh T thì T bỏ về. Khi T về đến trước nhà mình tại số D16/48Y ấp 4B, xã VLB, huyện B, Thành phố M thì L đuổi kịp và dùng dao phay cầm trên tay phải chém vào người T, T đưa tay phải lên đỡ thì bị L chém trúng tay phải gây thương tích. T liền nhặt 01 cây gỗ cầm trên tay phải đánh trả lại L nhưng không trúng mà trúng mặt đường làm cây gỗ gãy làm 02 khúc, T ném cây gỗ xuống đất rồi lấy dao Thái Lan từ trong người ra cầm trên tay phải đâm 01 cái trúng cổ bên trái của L gây thương tích, L dùng dao chém liên tiếp 02 cái trúng ngực, 01 cái trúng cẳng tay trái T gây thương tích. Lúc này, P sử dụng 01 tuýp sắt tròn dài khoảng 60 cm chạy đến cùng L đánh T. Hai bên xông vào đánh nhau một lúc thì được người dân can ngăn.

Theo các bản kết luận giám định pháp y số 64/TgT.18 ngày 12/02/2018, số 60/TgT.18, số 81/TgT.18 cùng ngày 12/02/2018 và bản giám định pháp y về thương tích bổ sung số 81/TgT.18-19 ngày 24/12/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y Tế Thành phố M, kết luận về thương tích của T, P và L, có cơ sở để kết luận: Hậu quả sau vụ án, T bị thương tích với tỷ lệ là 15%, L bị thương tích với tỷ lệ là 08% và P bị thương tích với tỷ lệ là 09%.

Quá trình điều tra, L có đơn không yêu cầu xử lý về hình sự đối với T. Đối với T và P đều có đơn yêu cầu xử lý về hình sự đối với người gây thương tích cho mình.

Xét, đối với bị cáo P đã sử dụng 01 ống tuýp sắt dài khoảng 60cm là hung khí và cùng L sử dụng 01 con dao phay để tấn công, gây thương tích cho T; nên bị cáo P và L phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về hậu quả thương tích đã gây ra cho T; thuộc trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%”, là tình tiết định khung trách nhiệm hình sự.

Như vậy, với hậu quả đã gây ra thương tích cho T và hành vi nêu trên của bị cáo P, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo P, về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 (thuộc trường hợp theo quy định tại

điểm a khoản 1 của Điều này) của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai; đã áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội

Hành vi phạm tội của bị cáo P là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo P là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/3/2020, bị cáo T có đơn kháng cáo và ngày 07/4/2020, bị cáo P có đơn kháng cáo làm trong thời hạn và hợp lệ theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 nên được chấp nhận để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo của bị cáo P: Xét, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có anh trai là người công với cách mạng; theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo P 02 (Hai) năm tù là thỏa đáng, không nặng.

Tuy nhiên tính đến ngày xét xử phúc thẩm, bị cáo P đã bị tạm giam 01 (Một) năm 11 (Mười một) tháng 15 (Mười năm) ngày và trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại về sức khỏe cho T số tiền 5.000.000 đồng, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) chưa được xem xét nên có cân nhắc áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo P mức hình phạt bằng thời gian bị tạm giam đã đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo P, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ một hình phạt cho bị cáo P và xử phạt bị cáo bằng thời gian đã bị tạm giam.

Đối với kháng cáo của bị cáo T: tại phiên tòa, bị cáo T tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo do P rút yêu cầu khởi tố hình sự đối với bị cáo T là quyền của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo T.

Riêng đối với hành vi của bị cáo T gây thương tích cho P với tỷ lệ là 09%, bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), vụ án thuộc trường hợp chỉ được khởi tố theo yêu cầu của bị hại nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P (với tư cách là bị hại) đã rút yêu cầu khởi tố hình sự đối với bị cáo T,

đồng thời trình bày việc rút yêu cầu khởi tố hình sự đối với T là đúng với ý trí của bản thân, tự nguyện và không bị ai ép buộc; phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 155 và Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử đối với T, về tội “Cố ý gây thương tích” và đình chỉ vụ án hình sự đối với T về hành vi “Cố ý gây thương tích” cho P. Theo đó, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm nên cấp sơ thẩm không có lỗi làm oan sai trong việc xét xử đối với bị cáo T và P (với tư cách là bị hại) không có quyền yêu cầu lại.

+Về án phí: Do bị cáo T rút yêu cầu kháng cáo và bị cáo P được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo P và T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

+Căn cứ vào Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu rút kháng cáo của bị cáo T và đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo T.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo P, sửa bản án hình sự sơ thẩm và giảm hình phạt cho bị cáo P.

+Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: bị cáo P 01 (Một) năm 11 (Mười một) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù, về tội: “Cố ý gây thương tích”.

- Thời hạn tù tính kể từ ngày 31/7/2018, bị cáo P đã chấp hành xong hình phạt tù.

+Căn cứ vào Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo P nếu bị cáo P không bị tạm giam về một tội phạm khác.

+Căn cứ vào Điều 155, khoản 8 Điều 157 và khoản 2 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 42/2020/HS-ST ngày 26/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử đối với bị cáo T về tội “Cố ý gây thương tích”.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Huân.
2. Ông Nguyễn Thị Hà

Căn cứ vào các điều 199, 222, 247 và khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vào hồi giờ ngày 27/12/2017 tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số 660/2017/HSPT ngày 09/11/2017 đối với bị cáo Lưu Hồng Sơn

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và quyết định như sau:

1. Về tội danh:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Hồng Sơn.

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 318/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục chung.

2. Về các vấn đề khác:

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết:.....

Biên bản nghị án cótrang, đã đọc cho các thành viên hội đồng xét xử nghe và thống nhất ký tên dưới đây.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa